

PHÁP LUẬT VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CẢI NGHIỆM BẮT BUỘC

Nguyễn Thành Phương*

Khoa Luật, Trường Đại học Nam Cần Thơ
(Email: nguyenthanhphuong099@gmail.com)

Ngày nhận: 15/6/2020

Ngày phản biện: 09/8/2020

Ngày duyệt đăng: 17/9/2020

TÓM TẮT

Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc được xem là một trong những biện pháp xử lý hành chính quan trọng được xem xét bởi Tòa án nhân dân cấp Huyện. Biện pháp đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với người nghiện ma túy nhằm cách ly chủ thể này ra khỏi cộng đồng, buộc họ chữa bệnh, học nghề, học văn hóa..., hướng đến thay đổi tích cực về tư duy, lối sống của người nghiện ma túy, với trọng tâm giúp họ hòa nhập cuộc sống cộng đồng. Tuy nhiên, việc triển khai thực thi cơ chế này trên thực tế vẫn còn gặp những vướng mắc, khó khăn từ những bất cập quy định pháp luật. Bài viết tập trung phân tích và đánh giá những quy định pháp luật về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc cùng những bất cập xung quanh quá trình áp dụng quy định này trong thực tiễn như: đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện, quy trình tiếp nhận, tạo lập sinh kế cho đối tượng sau cai nghiện... Trên cơ sở đó tác giả đưa ra những nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Từ khóa: *Cai nghiện, cơ sở cai nghiện bắt buộc, vi phạm hành chính*

Trích dẫn: Nguyễn Thành Phương, 2020. Pháp luật về áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô. 09: 185-195.

*Ths. Nguyễn Thành Phương – Giảng viên Khoa Luật, Trường Đại học Nam Cần Thơ

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

So với pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (sửa đổi bổ sung 2007, 2008) thì Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 đã có những thay đổi đáng ghi nhận. Cụ thể Luật xử lý vi phạm hành chính đã đổi tên biện pháp “đưa vào cơ sở chữa bệnh” thành “đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” thuật ngữ này phù hợp với đối tượng bị áp dụng hơn so với trước đây. Theo đó, biện pháp này chỉ áp dụng duy nhất với chủ thể nghiện ma túy thay vì đồng loạt áp dụng với cả người bán dâm như trong Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Đây được xem là quan điểm tiến bộ bảo đảm quyền con người, đặc biệt là quyền phụ nữ, hạn chế tình trạng “tổn thương kép” với chủ thể bị áp dụng. Theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính thì biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh được áp dụng dựa trên cơ sở thủ tục hành chính, đồng nghĩa rằng không phải thông qua thủ tục xét xử của tòa án. Điều này ảnh hưởng lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, bởi lẽ biện pháp này hạn chế đáng kể quyền tự do thân thể của họ.¹ Nhằm đảm bảo tính công khai, dân chủ trong quá trình áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, pháp luật đã có những thể chế liên quan trong biện pháp này. Cụ thể, chỉ có tòa án có đặc quyền áp dụng biện pháp đưa vào cơ

sở cai nghiện bắt buộc đối với chủ thể nghiện ma túy.

Theo thống kê từ năm 2014 đến hết 6 tháng đầu năm 2019, đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (CSCNBB) chiếm số lượng cao trong tổng số đối tượng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định (58.904 đối tượng/66.259 đối tượng). Năm 2018, số lượng đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào CSCNBB là 24.068 đối tượng; chiếm khoảng 45,9 % số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là 52.484 đối tượng)². Năm 2019, số lượng đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là 21.569 đối tượng; chiếm khoảng 47,8% số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (tổng số đối tượng bị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính do Tòa án nhân dân cấp huyện quyết định là 22.598 đối tượng)³.

Mặc dù, Luật xử lý VPHC đã có những quy định cụ thể về trình tự, thủ tục lập hồ sơ liên quan đến đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, quá trình áp dụng pháp luật, cơ chế này dần bộc lộ những khuyết điểm nhất định, cần được hiệu chỉnh bổ

¹ Nguyễn Cửu Việt, 2009. Một số vấn đề đổi mới pháp luật về vi phạm hành chính nước ta hiện nay. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp, số 138.

² Báo cáo số 82/BC-BTP ngày 22/3/2019 của Bộ Tư pháp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2018.

³ Báo cáo số 51/BC-BTP ngày 06/3/2020 của Bộ Tư pháp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2019.

sung nhằm hoàn thiện một cách kịp thời là những vấn đề được tập trung phân tích trong bài viết này.

2. NHỮNG BẤT CẬP, HẠN CHẾ TRONG THỰC TIỄN ÁP DỤNG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ BIỆN PHÁP ĐƯA VÀO CƠ SỞ CAI NGHIỆN BẮT BUỘC VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

2.1. Về đối tượng bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Nhìn chung, đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là những chủ thể có hành vi vi phạm pháp luật, khi phá vỡ những nguyên tắc mà Nhà nước đã đề ra. Tuy nhiên, khi xem xét những vấn đề có liên quan đến những chủ thể này trong quy định pháp luật vẫn tồn tại những quy định chưa thống nhất, tạo nên những “điểm vênh” nhất định như pháp luật còn chồng chéo, mâu thuẫn, khi nhiều điểm chưa rõ ràng. Cụ thể:

Thứ nhất, nghiên cứu vấn đề theo Điều 28, Điều 29 Luật phòng chống ma túy năm 2000, chủ thể bị nghiện ma túy được phân định làm 2 nhóm: (i) *Người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên*; (ii) *Người nghiện ma túy từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi*. Tuy nhiên, theo khoản 1 Điều 96 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 thể chế quy định đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gồm: (i) *Những người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn*

nghiện; (ii) *Những người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng không có nơi cư trú ổn định*.

Từ vấn đề trên cho thấy giữa Luật phòng chống ma túy và Luật xử lý vi phạm hành chính đã tạo nên một khoảng trống nhất định trong quy định pháp luật. Bởi lẽ, thực tế người nghiện ma túy sẽ không bị giới hạn độ tuổi nào, khi đó pháp luật đặt định cho rằng độ tuổi này thấp nhất từ đủ 12 tuổi. Mặt khác, chỉ giới hạn những chủ thể từ đủ 18 tuổi trở lên sẽ chịu chế tài quản giáo bắt buộc cai nghiện tại trung tâm. Chính điều này dẫn đến hệ quả một số tỉnh thành, đơn cử như Cà Mau không có cơ sở pháp lý áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với chủ thể từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi. Khi vấn đề xảy ra, với chủ thể dưới 18 tuổi địa phương chỉ vận động gia đình làm đơn xin cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh Cà Mau (Cơ sở cai nghiện sẽ bố trí, phân khu dành riêng cho đối tượng này), đồng thời gia đình sẽ tham gia hỗ trợ các khoản đóng góp trong quá trình cai nghiện tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy, thì việc Luật xử lý vi phạm hành chính cần có sự hiệu chỉnh bổ sung theo hướng tỉnh Cà Mau với con em mình.⁴ Từ đó, để đồng nhất cùng Luật phòng chống ma túy tránh chồng chéo trong quy định của pháp luật thì việc Luật xử lý vi phạm hành chính cần sửa đổi theo hướng quy định người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên; (ii) Người nghiện ma

⁴ Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ và đóng

góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

túy từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi, để từ đó có cơ sở áp dụng những biện pháp khác nhau với những chủ thể có độ tuổi khác nhau này. Việc phân chia độ tuổi chủ thể nghiện ma túy, giúp cơ quan có thẩm quyền lựa chọn phương thức cai nghiện phù hợp với tâm sinh lý từng đối tượng, giúp nâng cao hiệu quả cai nghiện.

Thứ hai, ngoài việc thỏa các căn cứ về độ tuổi, Luật cũng đưa ra những giới hạn khác như “đã bị áp dụng các biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn” nhằm làm căn cứ áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong trường hợp người nghiện ma túy tuy chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nhưng lại không có nơi cư trú ổn định thì vẫn bị áp dụng biện pháp này. Tuy nhiên, hiểu sao cho đúng nội hàm thuật ngữ “nơi cư trú ổn định” cần xem xét qua Nghị định 221/2013/NĐ-CP, trong đó “nơi cư trú ổn định là nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú, thường xuyên sinh sống”. Như vậy, một công dân muốn được xác định có “nơi cư trú ổn định” thì phải thỏa mãn đồng thời hai điều kiện: (i) có đăng ký thường trú hoặc tạm trú; (ii) đang thường xuyên sinh sống tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú. Nếu thiếu một trong hai điều kiện trên thì xem như công dân đó không có nơi cư trú ổn định và có thể bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc mặc dù chưa bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn.

Đối với người nghiện ma túy có nơi cư trú ổn định thì chỉ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc khi đã bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn mà vẫn còn nghiện. Vậy đối với người đã từng bị áp dụng biện pháp cai nghiện tại gia đình, cai nghiện tại cộng đồng nhưng vẫn còn nghiện thì sẽ giải quyết ra sao, có bắt buộc đưa đối tượng này vào cơ sở cai nghiện bắt buộc hay không?⁵

Nhìn nhận vấn đề trên bình diện khoản 1 Điều 28 Luật phòng chống ma túy 2000, đối sánh cùng khoản 1 Điều 96 Luật xử lý VPHC năm 2012 chưa có sự đồng nhất trong quan điểm khi văn bản cho rằng sẽ áp dụng cai nghiện bắt buộc, khoản 1 Điều 91 Luật XLVPHC lại chưa đồng nhất trong quan điểm. Vậy trong trường hợp này sẽ căn cứ vào đạo luật nào nhằm xử sự trong vấn đề này. Nhận diện vấn đề tại khoản 3 Điều 156 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 thì: “*Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau*”. Điều này đồng nghĩa rằng sẽ căn theo Luật XLVPHC mà có cách xử sự phù hợp. Từ đó suy luận rằng với trường hợp người đã từng bị áp dụng biện pháp cai nghiện tại nhà, tại cộng đồng không thuộc chủ thể bị áp dụng cơ chế đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Xung quanh vấn đề

⁵ Cao Vũ Minh, 2016. Hoàn thiện quy định về đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tạp chí Luật học số 2/2016, tr.44.

này, tác giả cho rằng rất nhiều trường hợp đối tượng đã tuân thủ tham gia cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng nhưng vẫn còn nghiện hoặc tái nghiện. Với trường hợp này có thể áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, khoản 1 Điều 91 Luật XLVPHC năm 2012 vô hình chung đã bó hẹp phạm vi đối tượng bị điều chỉnh của luật này. Từ vấn đề trên thiết nghĩ Luật XLVPHC năm 2012 cần có sự hiệu chỉnh cụ thể tại khoản 1 Điều 96 với đối tượng bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bao hàm người đã từng cai nghiện tại cộng đồng nhưng vẫn còn nghiện.

Thứ ba, khi xác định chủ thể bị đưa vào cơ sở giáo dục hay cơ sở cai nghiện bắt buộc vẫn tồn tại những bất cập chưa được giải quyết triệt để. Trên cơ sở Điều 118 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: *“Trường hợp người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trường hợp người nghiện ma túy thuộc loại côn đồ hung hãn thì áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc. Cơ sở giáo dục bắt buộc thực hiện việc cai nghiện cho đối tượng này”*. Qua quy định trên cho thấy nếu một chủ thể vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc vừa thuộc đối tượng đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thì có thể bị đưa vào một trong hai cơ quan trên tùy

thuộc vào yếu tố nhân thân của chủ thể này. Sự khác biệt chính yếu giữa đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc hay đưa vào cơ sở cai nghiện chỉ phân định bởi tiêu chí “côn đồ hung hãn”. Khi đó, Luật xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành chưa làm rõ nội hàm của thuật ngữ này so với “vi phạm có tính chất côn đồ” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Luật XLVPHC có đồng nhất về mặt ngữ nghĩa hay không điều này chưa được làm rõ.

Trên phương diện Đại từ điển Tiếng Việt thuật ngữ “côn đồ” mang hàm ý “kẻ chuyên gây sự, hành hung người khác”.⁶ Góc độ khác tại từ điển Tiếng Việt của Viện ngôn ngữ học thì “côn đồ” là kẻ mưu manh chuyên gây sự đánh nhau.⁷ Tổ hợp vấn đề như vừa trình bày thì thuật ngữ “côn đồ” chính yếu là chỉ chủ thể, không nhằm chỉ hành vi. Từ đó, thiết nghĩ cần có sự phân biệt giữa “côn đồ” với tính chất thuộc tính của hành vi vi phạm với “côn đồ” chỉ một đối tượng xem thường pháp luật, xem thường lẽ sống. Với quan điểm của mình tác giả cho rằng, cụm từ “côn đồ hung hãn” được sử dụng tại Điều 118 Luật xử lý vi phạm hành chính mang hàm ý chỉ chủ thể xem thường pháp luật không chỉ thuộc tính của hành vi vi phạm “có tính chất côn đồ” như quy định tại điểm d khoản 1 Điều 10 Luật xử lý vi phạm hành chính đã nêu. Dẫn chiếu nội dung pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 22 Luật tổ chức tòa án đã nêu: “Hội đồng

⁶ Nguyễn Như Ý (chủ biên), 2013. Đại từ điển Tiếng Việt, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr.344.

⁷ Hoàng Phê (chủ biên), 2010. Từ điển Tiếng Việt, Nxb Từ điển Bách khoa, tr.275

thẩm phán tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết hướng dẫn các Tòa án áp dụng thống nhất pháp luật. Từ đó, Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao cần ban hành Nghị quyết hướng dẫn chi tiết về thuật ngữ “côn đồ hung hãn” nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc áp dụng pháp luật tại Tòa án nhân dân cấp huyện.⁸

2.2. Về trách nhiệm thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc

Sự phân công phối hợp nhịp nhàng giữa các cơ quan thi hành công vụ đảm bảo cho quá trình áp dụng được thống nhất, công bằng, minh bạch giữa các chủ thể bị áp dụng chế tài đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, thực tế cho thấy vẫn còn một số vấn đề cần làm sáng tỏ trong công tác thi hành quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Đơn cử, theo Điều 110 Luật xử lý VPHC trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc của Tòa án nhân dân cấp huyện, phòng lao động- thương binh và xã hội phối hợp với công an cấp huyện đưa người phải chấp hành quyết định vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Vấn đề đặt ra trong trường hợp này thì trách nhiệm thi hành thuộc trách nhiệm của công an cấp huyện, của phòng lao động thương binh xã hội hay sự phối hợp giữa hai cơ quan này? Bởi khi xem xét vấn đề trên cơ sở Điều 110 Luật XLVPHC trách nhiệm thuộc cơ quan đã gửi hồ sơ đề nghị

áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện, đồng thời tổ chức thi hành quyết định. Khi đó, đối sánh vấn đề cùng Điều 104 Luật XLVPHC thì cơ quan đã gửi hồ sơ quy định tại Điều 110 chính bởi trường phòng lao động thương binh và xã hội cấp huyện. Hiệu vấn đề trên phương diện khoản 1 Điều 110 thì trách nhiệm chính yếu thuộc về Phòng lao động thương binh xã hội phối hợp cùng công an cấp huyện.

Tuy nhiên, điều này đối lập cùng Điều 15 Nghị định 22/2013/NĐ-CP cho rằng cơ quan công an cấp huyện là cơ quan chủ trì, ngược lại phòng lao động thương binh xã hội chỉ là đơn vị phối hợp. Từ quy định trên có thể gây ra nhiều xung đột trong có nguy cơ dẫn đến ùng đậy giữa các cơ quan thừa hành. Từ đó, việc sửa đổi Điều 15 Nghị định 22/2013/NĐ-CP theo hướng quy định phòng lao động- thương binh và xã hội chủ trì, phối hợp với cơ quan công an cấp huyện đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Sự hiệu chỉnh này góp phần xác lập trách nhiệm cụ thể của các cơ quan trong thực thi pháp luật.

2.3. Về công tác bàn giao, tiếp nhận và quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú đối với người chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện

Trên cơ sở khoản 1 Điều 6 Nghị định 94/2009/NĐ-CP đã có những thể chế liên quan như: *“Trước khi kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc bốn mươi lăm ngày, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh – Giáo*

⁸ Cao Vũ Minh, 2016. Hoàn thiện quy định về đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tạp chí Luật học, số 2/2016, trang 43.

dục – Lao động xã hội có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú”. Khi đó, Giám đốc Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho Trường Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi lập hồ sơ đưa đối tượng vào Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội chậm nhất là hai mươi ngày trước khi người đó kết thúc thời gian cai nghiện bắt buộc.

Khoản 1 Điều 8: *“Sau khi có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội nơi quản lý người cai nghiện có trách nhiệm bàn giao người và hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú. Khi nhận bàn giao, Ủy ban nhân dân cấp xã phải kiểm tra hồ sơ và lập biên bản bàn giao. Biên bản bàn giao được lập thành ba bản, mỗi bên giữ một bản, một bản gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi ra quyết định để phối hợp quản lý”*

Tuy nhiên, Nghị định lại thiếu đi những đặt định cụ thể liên quan như là cơ sở cai nghiện ma túy nơi có học viên chấp hành xong thời gian cai nghiện có trách nhiệm bàn giao học viên sau cai nghiện cho chính quyền địa phương nơi học viên có nơi cư trú hay chính quyền địa phương nơi có học viên cư trú phải đến trụ sở trung tâm cai nghiện tiếp nhận học viên. Điều này dẫn đến việc bố trí nguồn kinh phí nhằm thực hiện công tác bàn giao, tiếp nhận với người chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc gặp rất nhiều khó khăn. Thực tế áp dụng

một số nơi cho thấy mặc dù Giám đốc cơ sở cai nghiện ma túy đã thực hiện đúng quy trình về lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú và đồng thời chuyển hồ sơ về Phòng Lao động- Thương binh và Xã hội cơ quan lập hồ sơ đưa đối tượng vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tuy nhiên, trong những năm qua tình trạng học viên chấp hành xong thời gian bắt buộc cai nghiện tại trung tâm lại không có cơ chế bàn giao, phối hợp tiếp nhận giữa cơ sở cai nghiện ma túy cùng chính quyền địa phương thực hiện công tác tiếp nhận. Hệ quả là khi học viên chấp hành xong quy định cai nghiện bắt buộc thì được gia đình, bạn bè trực tiếp đưa đón, số còn lại chủ động tìm phương tiện trở về địa phương. Bởi không có cơ chế bàn giao, tiếp nhận, đồng thời không chịu sự quản lý sau cai nghiện tại địa phương, vấn đề tái nghiện với những chủ thể này chỉ là thời gian.

Bên cạnh đó, mặc dù một số địa phương đã ban hành nhiều quyết định có liên quan đến chức năng nhiệm vụ quản lý sau cai nghiện. Tuy nhiên, khi có sự đối sánh giữa Luật phòng chống ma túy cùng Luật xử lý vi phạm hành chính, chưa có cơ chế thực hiện việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện một cách triệt để. Bởi trên phương diện Luật phòng chống ma túy cho rằng người chấp hành xong thời gian cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy phải chịu sự quản lý sau cai từ 1 đến 2 năm với trường hợp có nguy cơ tái nghiện cao. Khi đó, Luật xử lý vi phạm hành chính quy định khi hết thời hạn áp dụng biện pháp xử lý hành

chính thì Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc cấp giấy chứng nhận cho người đã chấp hành xong quá trình quản giáo tại trung tâm, đồng thời gửi bản sao cho gia đình, Ủy ban nhân dân nơi người đó cư trú, Tòa án nơi ra quyết định. Từ đó, thiết nghĩ cần có văn bản hướng dẫn cụ thể vấn đề này, tránh chông chéo xung đột khi áp dụng văn bản thi hành pháp luật.

2.4. Về công tác hỗ trợ, giúp đỡ người chấp hành xong biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tái hòa nhập cộng đồng

Nhằm đảm bảo ổn định cuộc sống, nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng sau khi thực hiện quá trình cai nghiện bắt buộc, Nhà nước đã ban hành nhiều quy định liên quan nhằm giúp những chủ thể này tạo lập sinh kế, cụ thể như ban hành Quyết định 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng về cơ chế tín dụng vay vốn ưu đãi với những cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ đồng thuận cho người sau cai nghiện được công tác sản xuất tại cơ quan, xí nghiệp của mình. Bên cạnh đó Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng có những quy định miễn thuế thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp có sử dụng lao động là người sau cai nghiện. Bên cạnh đó, Thông tư liên tịch số 121/2010/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 12/8/2010 cũng có những thể chế hỗ trợ tìm việc làm 1.000.000/người sau cai nghiện ma túy. Xung quanh vấn đề này

còn tồn tại những nội dung chưa rõ ràng sau đây:

Thứ nhất, với đối tượng là người nghiện ma túy sau khi cai nghiện việc Nhà nước hoạch chính sách định hướng tạo lập cuộc sống mới cho họ là điều cần thiết, khi đó có thể nhận thấy quy định trợ giúp đối tượng này chỉ tập trung vào việc hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ tìm kiếm việc làm, nhưng chưa có cơ chế riêng biệt, cụ thể với từng nhóm đối tượng sau khi cai nghiện. Từ vấn đề trên thiết nghĩ Nhà nước cần phân định đối tượng sau cai nghiện thành những nhóm sau đây: (i) đối tượng đang trong độ tuổi học tập; (ii) người chưa có việc làm; (iii) đã có việc làm nhưng bị gián đoạn, mất việc do quá trình cai nghiện gây ra; (iv) Đang có việc làm cụ thể..., Từ những phân định trên sẽ có những hoạch định cụ thể liên quan đến công tác định hướng cuộc sống của những đối tượng nghiện ma túy sau cai nghiện. Đơn cử, với những đối tượng còn trong độ tuổi học tập cần lấy ý kiến có nhu cầu học kiến thức hay học nghề mà vạch ra đường lối cụ thể. Với những chủ thể đã có việc làm nhưng do cai nghiện bắt buộc dẫn đến mất việc thì cơ chế hỗ trợ vay vốn, mức hỗ trợ vay 20 triệu đồng trong thời hạn 36 tháng với lãi suất bằng lãi suất cho vay hộ nghèo, lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất cho vay.⁹ Với những chủ thể chưa có việc làm cần định hướng học nghề hoặc công tác trong những cơ quan, xí nghiệp quy định

⁹ Quyết định số 02/2020/QĐ-TTg năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

tại hành Quyết định 212/2006/QĐ-TTg ngày 20/9/2006 của Thủ tướng.

Thứ hai, nhìn chung, có thể nhận thấy mức hỗ trợ 1.000.000đ/người nhằm tìm kiếm việc làm là chưa phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Bởi số tiền trên không đủ để người sau cai nghiện có thể học được một nghề mới hoặc giả trang trải đủ trong khi đang chờ việc mới. Khi đó, cơ chế chính sách chính yếu hiện nay chỉ tập trung vào vấn đề cho người cai nghiện chủ động tìm việc, vẫn chưa hoạch định được những chính sách giới thiệu việc làm dành cho người cai nghiện. Từ đó, việc đối tượng sau khi cai nghiện không có việc làm dẫn đến tái nghiện vẫn thường xuyên diễn ra, đơn cử tại Cà Mau tỷ lệ này là 95,7% người tái nghiện sau khi cai nghiện bắt buộc.¹⁰ Qua vấn đề trên thiết nghĩ cần có cơ chế quản giáo tại địa phương sau quá trình cai nghiện bắt buộc, đồng thời Nhà nước cần có những chính sách giúp đối tượng sau cai nghiện hòa nhập với cộng đồng như giới thiệu và hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau cai nghiện, đây là tiền đề góp phần hạn chế tỷ lệ tái nghiện, góp phần giữ vững trật tự xã hội. Đồng thời tăng mức hỗ trợ cho đối tượng này tìm kiếm việc làm bằng mức lương tối thiểu vùng, nhằm giúp đối tượng này có đủ kinh phí trang trải trong thời gian tái hòa nhập cùng cộng đồng.

3. KẾT LUẬN

Biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có tầm quan trọng đặc biệt trong

các biện pháp xử lý hành chính; được xem là những biện pháp cai nghiện hữu hiệu hiện nay. Từ đó, việc hiệu chỉnh, bổ sung từ các quy định liên quan đến biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc là vấn đề cần thiết đặt ra. Trong đó, Luật xử lý vi phạm hành chính cần sửa đổi theo hướng quy định người nghiện ma túy từ đủ 18 tuổi trở lên; (ii) Người nghiện ma túy từ đủ 12 đến dưới 18 tuổi, để từ đó có cơ sở áp dụng những biện pháp khác nhau với từng chủ thể để công tác cai nghiện hữu hiệu hơn. Ngoài ra, cần thiết sửa đổi Điều 15 Nghị định 221/2013/NĐ-CP theo hướng quy định phòng lao động- thương binh và xã hội chủ trì, phối hợp với cơ quan công an cấp huyện đưa người nghiện ma túy vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Sự hiệu chỉnh này góp phần xác lập trách nhiệm cụ thể của các cơ quan trong thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, pháp luật cần có cơ chế quản giáo tại địa phương sau quá trình cai nghiện bắt buộc, đồng thời Nhà nước cần có những chính sách giúp đối tượng sau cai nghiện hòa nhập với cộng đồng như giới thiệu và hỗ trợ tìm kiếm việc làm sau cai nghiện, đây là tiền đề góp phần hạn chế tỷ lệ tái nghiện, góp phần giữ vững trật tự xã hội trong giai đoạn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Vũ Minh, 2016. Hoàn thiện quy định về đưa người vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Tạp chí Luật học số 2/2016.

¹⁰ Báo cáo 275/BC-LĐTĐXH ngày 19/12/2013, báo cáo thống kê tỷ lệ tái nghiện với người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

2. Chính phủ, 2020. Quyết định số 02/2020/QĐ-TTg ngày 10 tháng 1 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Bộ tư Pháp, 2018. Báo cáo số 82/BC-BTP ngày 22/3/2019 của Bộ Tư pháp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Bộ Tư pháp, 2019. Báo cáo số 51/BC-BTP ngày 06/3/2020 của Bộ Tư pháp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

5. Hoàng Phê, 2010. Từ điển Tiếng Việt, Nxb Từ điển Bách khoa.

6. Hội đồng Nhân dân, 2019. Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh Cà Mau quy định mức hỗ trợ và đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

7. Nguyễn Cửu Việt, 2009. Một số vấn đề đổi mới pháp luật về vi phạm hành chính nước ta hiện nay. Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 138/2019.

8. Nguyễn Như Ý, 2013. Đại từ điển Tiếng Việt, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Sở Lao động thương binh xã hội, 2013. Báo cáo 275/BC-LĐTBXH ngày 19/12/2013, báo cáo thống kê tỷ lệ tái nghiện với người sau cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

8. Quốc hội, 2012. Luật xử lý vi phạm hành chính.

9. Quốc hội, 2000. Luật phòng chống ma túy.

LAW ON APPLICATION OF MEASURES TO ENTRY COMPULSORY DRUG FACILITIES

Nguyen Thanh Phuong
Faculty of Laws, Nam Can Tho University
(Email: nguyenthanhphuong099@gmail.com)

ABSTRACT

The measure of sending to compulsory detoxification establishment has been considered as one of the important administrative handling measures considered by the district People's Court. The measure of sending people to compulsory detoxification establishments with drug addicts aims to isolate this subject from the community, force them to cure, learn vocational, learn culture ..., towards a positive changes in drug addicts' thinking and lifestyle, with a focus on helping them integrate into the community life. However, the implementation of this mechanism in practice still faces problems and difficulties from the inadequacies of legal regulations. This paper focuses on analyzing and evaluating legal provisions on the application of measure sending to compulsory detoxification establishments and inadequacies surrounding the process of applying this regulation in practice such as: detoxification establishments, the process of receiving and creating livelihoods for the subjects after detoxification... On that basis, the author gave comments and recommendations to perfect the mechanism of sending to compulsory detoxification establishments.

Keywords: *Administrative violations, compulsory detoxification centers, detoxification*